

QUALITY ASSURANCE IN THE INTER-LEVEL TRAINING FOR TEACHER TRAINING MAJORS AT UNIVERSITY LEVEL

ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG TRONG ĐÀO TẠO LIÊN THÔNG TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC NHÓM NGÀNH ĐÀO TẠO GIÁO VIÊN

Dương Thị Minh Mận, Vũ Đức Quảng
Trường Đại học Quảng Nam

ABSTRACT: *In this article, we based on the approach of the elements of the training process to conduct surveys on relevant subjects including students, lecturers, education managers of schools which have the inter-level and interlinked training for teacher training majors in some localities. The shortcomings and limitations in this type of training are also identified. From the point of view, quality assurance for all elements of the training process from enrollment to training programs, lecturers, physical conditions, and coordination mechanisms between host institution and coordination facility in interlinked training, ... We propose solutions to overcome those shortcomings and limitations. At the same time, we also recommend the Ministry of Education and Training to soon issue a standard training program at the university level to create conditions for higher education institutions in organizing training and recognizing the learning results of learners at the previous level to meet the needs of advanced learning, lifelong learning.*

Keyword: *Inter-level training, quality assurance, teacher training majors.*

TÓM TẮT: *Trong bài báo này, chúng tôi dựa trên tiếp cận các thành tố của quá trình đào tạo để thực hiện khảo sát trên các đối tượng liên quan bao gồm học viên, giảng viên, cán bộ quản lý của các cơ sở có tổ chức đào tạo liên thông, liên kết đào tạo nhóm ngành đào tạo giáo viên ở một số địa phương. Những tồn tại, hạn chế trong loại hình đào tạo này cũng được xác định. Theo quan điểm, đảm bảo chất lượng đối với mọi thành tố của quá trình đào tạo từ tuyển sinh đến chương trình đào tạo, đội ngũ giảng viên, điều kiện cơ sở vật chất, cơ chế phối hợp giữa cơ sở chủ trì đào tạo và cơ sở phối hợp trong liên kết đào tạo,... chúng tôi đề xuất các giải pháp khắc phục các tồn tại, hạn chế đó. Đồng thời, chúng tôi cũng kiến nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT) sớm ban hành chương trình đào tạo chuẩn trình độ đại học để tạo điều kiện cho các cơ sở giáo dục đại học trong việc tổ chức đào tạo, công nhận kết quả học tập của người học ở trình độ trước đó nhằm đáp ứng nhu cầu học tập nâng cao trình độ, học tập suốt đời.*

Từ khóa: *Đào tạo liên thông, đảm bảo chất lượng, đào tạo giáo viên.*

1. SỰ CẦN THIẾT VÀ CƠ SỞ PHÁP LÝ TRONG ĐÀO TẠO LIÊN THÔNG, LIÊN KẾT ĐÀO TẠO

Trong thời đại ngày nay, vấn đề học tập suốt đời, xây dựng và phát triển xã hội học tập đang trở thành xu thế lớn, là yêu cầu tất yếu của

mỗi quốc gia trong nền kinh tế tri thức và hội nhập toàn cầu. Đào tạo liên thông, liên kết đào tạo là phương thức đào tạo chủ yếu để thực hiện mục tiêu “đáp ứng nhu cầu học tập của nhân dân”; tạo điều kiện cho mọi người, đặc biệt là ở các vùng miền không có các trường đại

học hoặc có các trường đại học nhưng không có ngành nghề đào tạo phù hợp được tiếp cận với giáo dục đại học; thỏa mãn nhu cầu nâng cao trình độ,... Phương thức đào tạo này đã góp phần bồi dưỡng, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực phục vụ sự nghiệp xây dựng, phát triển kinh tế xã hội.

Đào tạo liên thông là một loại hình đào tạo trong đó người học được sử dụng kết quả học tập trước đó để học tiếp ở trình độ cao hơn cùng ngành đào tạo hoặc chuyển sang ngành đào tạo hay trình độ đào tạo khác. Đào tạo liên thông được tổ chức theo hình thức chính quy hoặc vừa làm vừa học (VLVH) [5]. Mục đích đào tạo liên thông là tạo cơ hội học tập cho người học và phát triển ngành, nghề phù hợp với nhu cầu xã hội, tiết kiệm chi phí, nâng cao hiệu quả trong đào tạo và đảm bảo công bằng trong giáo dục.

Liên kết đào tạo là sự hợp tác giữa các bên để tổ chức thực hiện các chương trình đào tạo, quản lý quá trình dạy học đảm bảo chất lượng đào tạo, cấp bằng tốt nghiệp và thực hiện các nội dung thỏa thuận phù hợp với quy định của pháp luật. Mục đích của hoạt động liên kết đào tạo: Một là, thực hiện chủ trương đào tạo theo nhu cầu xã hội; huy động tiềm năng của các cơ sở giáo dục đại học và các nguồn lực khác để đào tạo nguồn nhân lực phục vụ trực tiếp cho nhu cầu phát triển kinh tế, xã hội của các địa phương và vùng miền. Hai là, tạo cơ hội học tập cho nhiều người trên cơ sở đảm bảo chất lượng, hiệu quả giáo dục, góp phần thực hiện mục tiêu công bằng và xã hội hoá giáo dục. Đối tượng tham gia liên kết đào tạo gồm cơ sở giáo dục chủ trì đào tạo chịu trách nhiệm tổ chức quá trình đào tạo, bao gồm: tuyển sinh; tổ chức đào tạo; đánh giá kết quả học tập, rèn luyện; công nhận kết quả học tập, rèn luyện và cấp bằng tốt nghiệp. Cơ sở

phối hợp đào tạo phối hợp với cơ sở giáo dục chủ trì đào tạo trong quản lý, giảng dạy một số học phần của chương trình đào tạo và đảm bảo các điều kiện cơ sở vật chất phục vụ đào tạo [1].

Đào tạo liên thông trình độ đại học khối ngành đào tạo giáo viên trong giai đoạn hiện nay chủ yếu đào tạo giáo viên từ trình độ trung cấp, cao đẳng lên trình độ đại học để đáp ứng nhu cầu học tập nâng cao trình độ của của giáo viên, để chuẩn hóa giáo viên tiểu học, trung học cơ sở có trình độ đại học (riêng giáo viên mầm non yêu cầu trình độ tối thiểu là cao đẳng) hoặc có thể chuyển sang dạy ở bậc trung học phổ thông ở những nơi thiếu giáo viên. Đào tạo liên thông trình độ đại học khối ngành đào tạo giáo viên được thực hiện dưới hình thức liên thông chính quy, liên thông vừa học vừa làm. Cả hai hình thức đào tạo này đều thực hiện theo quy chế đào tạo hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo[6]. Trong khuôn khổ của bài viết này, chúng tôi chỉ đề cập đến đào tạo liên thông hình thức vừa làm vừa học.

Cơ sở pháp lý cho các hình thức đào tạo này là Luật giáo dục đại học và Quyết định của Thủ tướng Chính phủ quy định về liên thông giữa trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng với trình độ đại học (Quyết định số 18/2017/QĐ-TTg ngày 31/5/2017, gọi tắt là Quyết định số 18), Quy định về xác định chỉ tiêu tuyển sinh đại học, thạc sĩ, tiến sĩ và chỉ tiêu tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non (Thông tư số 03/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022, gọi tắt là Thông tư 03), Quy chế đào tạo trình độ đại học của Bộ Giáo dục và Đào tạo (Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021, gọi tắt là Thông tư 08), Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non (Thông tư 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06/6/2022).

Gần đây Chính phủ ban hành Nghị định 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung của Luật Giáo dục đại học, trong đó trao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm cho các Cơ sở Giáo dục đại học, tạo hành lang pháp lý để các cơ sở Giáo dục đại học tổ chức đào tạo liên thông, liên kết đào tạo phục vụ nhu cầu học tập nâng cao trình độ của xã hội, góp phần thực hiện thành công công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa của nước ta.

2. NỘI DUNG

2.1. Một số tồn tại, hạn chế trong đào tạo liên thông, liên kết đào tạo

Trong thời gian qua, các cơ sở giáo dục đại học trong cả nước đã thực hiện tốt nhiệm vụ đào tạo nguồn nhân lực giáo viên phục vụ cho sự nghiệp giáo dục đào tạo góp phần thực hiện đổi mới căn bản toàn diện nền giáo dục nước nhà. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện nảy sinh nhiều vấn đề hạn chế bất cập, đặc biệt là những hạn chế trong đào tạo liên thông, liên kết đào tạo khối ngành đào tạo giáo viên.

2.1.1. Về tuyển sinh

Hiện nay, việc xác định chỉ tiêu đào tạo liên thông (hình thức chính quy, vừa làm vừa học) dựa trên 2 văn bản đó là Quyết định 18 và Thông tư 03, theo đó chỉ tiêu tuyển sinh đào tạo liên thông hình thức VLVH được xác định chỉ bằng 20% chỉ tiêu đào tạo hình thức VLVH, còn chỉ tiêu đào tạo hình thức VLVH được xác định bằng 50% chỉ tiêu chính quy (áp dụng đối với nhóm ngành đào tạo giáo viên) nên nhiều trường gặp khó khăn do chỉ tiêu đào tạo liên thông trình độ đại học VLVH **nhóm ngành đào tạo giáo viên rất thấp**, chỉ bằng 10% chỉ tiêu chính quy nên không đủ điều kiện để mở lớp, chi trả kinh phí đào tạo. Trong những năm gần đây, quy mô cũng như chỉ tiêu nhóm ngành đào tạo giáo viên giảm mạnh, một mặt do yêu cầu ngưỡng đầu vào

theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo tương đối cao [7], mặt khác do sinh viên tốt nghiệp không **tìm được việc làm phù hợp**, thu nhập của giáo viên thấp, ... nên không thu hút thí sinh đăng ký xét tuyển vào nhóm ngành này. Vì vậy, để có chỉ tiêu tuyển sinh đào tạo liên thông hình thức VLVH nhóm ngành đào tạo giáo viên, các cơ sở đào tạo tăng chỉ tiêu chính quy nhóm ngành này hoặc chấp nhận “vượt rào” bằng cách lấy chỉ tiêu ngành không tuyển được chuyển sang cho ngành tuyển được sao cho tổng học viên nhóm ngành đào tạo giáo viên không vượt quá tổng chỉ tiêu đào tạo liên thông hình thức VLVH nhóm ngành đào tạo giáo viên. Ngoài ra, khi tổ chức liên kết đào tạo, các cơ sở phối hợp đào tạo cùng một lúc phải liên kết với nhiều trường đại học để có đủ chỉ tiêu đào tạo liên thông nhóm ngành đào tạo giáo viên nhằm giải quyết nhu cầu học tập. Điều này gây ra nhiều khó khăn trong việc tổ chức giảng dạy, quản lý đào tạo.

Quy chế tuyển sinh hiện hành yêu cầu ngưỡng đầu vào khi dự tuyển nhóm ngành đào tạo giáo viên “thí sinh tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng hoặc trình độ đại học đạt loại khá và có 3 năm kinh nghiệm công tác đúng với ngành nghề đào tạo” [7]. Trong thực tế, nhiều sinh viên tốt nghiệp cao đẳng chưa tìm được việc làm, trong số đó đã có sinh viên xin các cơ sở giáo dục tự thực, các trung tâm đào tạo xác nhận có tham gia dạy kèm, dạy bồi dưỡng hi vọng được tiếp tục học lên đại học (PV nhóm học viên tại Quảng Ngãi).

2.1.2. Về chương trình đào tạo

Theo Quyết định 18, chương trình đào tạo liên thông trình độ đại học hình thức chính quy, hình thức VLVH là chương trình đào tạo trình độ đại học hình thức chính quy tương ứng hình thức VLVH được áp dụng tại cơ sở giáo dục đại học. Trước khi tổ chức đào tạo, cơ sở giáo dục chủ trì đào tạo có

quyết định công nhận giá trị chuyển đổi kết quả học tập và khối lượng kiến thức, kỹ năng được miễn trừ đối với từng người học trên cơ sở đối chiếu, so sánh chuẩn đầu ra, nội dung chương trình, khối lượng học tập, phương pháp đánh giá, kết quả học tập của người học ở chương trình đào tạo trình độ trung cấp hoặc trình độ cao đẳng với chương trình đào tạo đại học hiện hành của cơ sở giáo dục. Vì vậy, chương trình đào tạo liên thông phải được thiết kế theo hướng kế thừa và tích hợp, để giảm tối đa thời gian học lại kiến thức và kỹ năng mà người học đã tích lũy ở các trình độ trước đó, đồng thời học bổ sung những khối lượng kiến thức còn thiếu và cập nhật kiến thức mới phù hợp với thực tế ngành nghề. Tuy nhiên, trong thực tế những người chịu trách nhiệm xây dựng chương trình liên thông không phân tích hết chương trình cao đẳng, trung cấp của từng người học, không đảm bảo tính phát triển. Đồng thời, chương trình đào tạo của người học ở trình độ trước đó cũng rất đa dạng do tốt nghiệp ở nhiều cơ sở đào tạo khác nhau, điều này rất khó khăn trong việc xây dựng chương trình và tổ chức đào tạo.

Hiện nay, nhiều cơ sở giáo dục đại học xây dựng chương trình đào tạo liên thông theo hướng những môn chưa học ở cao đẳng, trung cấp thì được đưa vào chương trình đại học theo cách lắp ghép cơ học, điều này chưa hợp lý vì chương trình đại học phải là mở rộng và nâng cao. Cũng có nơi căn cứ khối lượng kiến thức tối thiểu của chương trình đào tạo trình độ đại học (4 năm) là 120 tín chỉ, trung bình 1 năm thực hiện 30 tín chỉ. Thời gian đào tạo liên thông từ cao đẳng lên đại học khoảng 2 năm, tương ứng chương trình đào tạo là 60 tín chỉ. Thời gian đào tạo liên thông từ trung cấp lên đại học khoảng 3 năm, tương ứng chương trình đào tạo là 90 tín chỉ. Theo số tín chỉ của mỗi chương trình đào tạo, nội dung chương trình được xây dựng theo hướng bổ sung những môn

chưa học ở cao đẳng, trung cấp và tăng thêm những môn học nâng cao, mở rộng có những chuyên đề chuyên sâu. Chương trình liên thông đại học có đầy đủ học phần của chính quy mà người học yêu cầu phải học, không xét đến quá trình tích lũy kinh nghiệm, tri thức, tự học của người học trong quá trình công tác, làm việc.

Thực trạng quản lý nội dung, chương trình đào tạo ở cơ sở phối hợp đào tạo: Nội dung chương trình đào tạo đã được thông báo đến học viên trước khi vào học, nhưng chưa công bố đến những cơ sở sử dụng nguồn nhân lực được đào tạo; chưa phối hợp chặt chẽ với cơ sở chủ trì đào tạo để kiểm tra việc thực hiện nội dung, chương trình đào tạo của giảng viên; chưa mạnh dạn kiến nghị với cơ sở chủ trì đào tạo bổ sung, điều chỉnh nội dung phù hợp với nhu cầu của thị trường lao động của địa phương. Việc giám sát thực hiện nội dung, chương trình qua các loại hồ sơ chuyên môn được thực hiện không thường xuyên (PV CBQL tại Quảng Nam).

2.1.3. Về quản lý hoạt động đào tạo

Qua khảo sát, đa số học viên cho rằng, phương pháp dạy học chủ yếu mà giảng viên sử dụng là phương pháp truyền thống, ít khai thác trải nghiệm của người học, trong khi họ đã trải qua quá trình công tác. Có những môn học không rèn luyện được kỹ năng cho người học một phần do điều kiện cơ sở vật chất hạn chế, phần khác do thời lượng bị giảng viên cắt xén. Tâm lý sĩn sàng cấp trong tuyển dụng và bệnh thành tích vẫn chi phối việc dạy và học, sự phối hợp giữa hai đơn vị liên kết còn nhiều vướng mắc, chưa thực hiện đầy đủ các yêu cầu trong quản lý, điều hành nên phần nào còn hạn chế về hiệu quả tổ chức đào tạo... Vai trò của cơ sở chủ trì đào tạo trong việc kiểm tra, thanh tra, đảm bảo chất lượng đào tạo chưa được thực hiện thường xuyên. Thực trạng quản lý

hoạt động dạy của giảng viên của cơ sở phối hợp đào tạo, về tổng thể, biện pháp quản lý hoạt động giảng dạy của giảng viên ít hiệu quả, chưa thực sự giám sát việc chấp hành thời gian, nề nếp, tác phong lên lớp và thực hiện các quy chế về chuyên môn, ...

2.1.4. Về kiểm tra, đánh giá

Đề thi kết thúc học phần cần phải kết hợp kiểm tra kiến thức cơ bản và khả năng vận dụng của học viên vào giải quyết vấn đề cụ thể trong thực tiễn ngành nghề, phù hợp với mục tiêu môn học. Trong chương trình đào tạo đại học, khối lượng kiến thức cho mỗi học phần không chỉ rất lớn mà còn đòi hỏi học viên phải tự học, tự tra cứu các vấn đề thực tiễn liên quan thì mới lĩnh hội một cách sâu sắc các kiến thức được học. Do đó, khối lượng kiến thức cần phải ôn tập cho mỗi kỳ thi là không hề nhỏ. Theo quan điểm giáo dục hiện đại, nhiều nhà nghiên cứu cho rằng không nên dạy cho học viên ghi nhớ kiến thức một cách máy móc, thuộc lòng mà cần dạy cho học viên cách học, cách tra cứu tài liệu và vận dụng các kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề thực tế, tạo cơ hội để người học thể hiện quan điểm cá nhân trước một vấn đề và phát triển tư duy phản biện, đồng thời hạn chế việc quay cóp bài. Dạng bài kiểm tra tự luận đề mở là một lựa chọn tốt để thỏa mãn các yêu cầu trên. Tuy nhiên, trong thực tế chất lượng đề thi tự luận dạng mở này chưa thực sự đạt yêu cầu. Hiện tượng giảng viên dễ dãi với học viên hoặc vì bệnh thành tích mà hạ thấp yêu cầu đề thi, hướng dẫn ôn luyện sát nội dung thi để đạt kết quả cao vẫn còn xảy ra mà chưa được kiểm soát chặt chẽ. Bên cạnh đó, quy trình ra đề, chấm thi, quản lý điểm có trường làm chưa tốt, đặc biệt là đề thi các học phần do giảng viên của cơ sở phối hợp phụ trách giảng dạy, ...

Về quản lý đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của học viên: Công tác phối hợp giữa cơ sở chủ trì đào tạo và cơ sở phối hợp trong

xây dựng kế hoạch kiểm tra giữa học kỳ, thi kết thúc học phần, thi lại, bảo vệ khóa luận tốt nghiệp, công tác phối hợp giữa giảng viên giảng dạy, các khoa, phòng của hai cơ sở và ban cán sự lớp để tổ chức đánh giá, xếp loại, xét điều kiện dự thi kết thúc học phần của học viên được thực hiện theo đúng quy định và kịp thời. Tuy nhiên, việc phối hợp cập nhật kết quả học tập và rèn luyện của học viên vào hồ sơ, sổ sách theo quy định và việc thông tin đầy đủ, chính xác, kịp thời cho học viên chưa tốt, nhiều học phần thông tin quá muộn và không đầy đủ. Hoạt động kiểm tra, đánh giá chất lượng học tập và rèn luyện của học viên chưa thường xuyên; chưa có dữ liệu về học viên đã tốt nghiệp để đánh giá hiệu quả đào tạo, cũng như để có cơ sở thực tiễn điều chỉnh mục tiêu, nội dung chương trình đào tạo sao cho đáp ứng nhu cầu thực tiễn.

2.1.5. Về động cơ của người học

Nhìn chung, nhiều giáo viên tham gia học tập xác định học là để nâng cao trình độ, kiến thức cho nên đề nghị vẫn tiếp tục duy trì hình thức đào tạo liên thông để tạo cơ hội cho nhiều người tham gia học tập. Bên cạnh đó, có không ít người đi học để tăng lương hoặc đạt chuẩn, hoặc tâm lý sĩn sảng cấp, nên việc học mang tính hình thức (Phòng văn nhóm HV ở Quảng Nam, Kon Tum, Đắk Lắk).

Cơ sở phối hợp đào tạo thực hiện tương đối tốt công quản lý hoạt động học tập và rèn luyện của học viên như ổn định tổ chức lớp học, quản lý giờ giấc, sĩ số lớp học, phối hợp tổ chức đánh giá, thi kết thúc học phần, xét công nhận tốt nghiệp của học viên. Tuy vậy, chưa phổ biến đầy đủ mục tiêu, chương trình giáo dục, các yêu cầu kiểm tra, đánh giá, điều kiện tốt nghiệp, quy chế đào tạo, các quy định của pháp luật liên quan đến học viên. So với yêu cầu trong tiêu chuẩn đánh

giá chương trình đào tạo giáo viên thì điều này chưa đảm bảo. Đồng thời, cũng chưa dành thời gian cho học viên tham gia các hoạt động ngoại khóa, văn nghệ, thể thao phù hợp. Công tác phối hợp cung cấp thông tin về kết quả học tập, rèn luyện đến học viên, gia đình và đơn vị công tác của học viên còn thiếu chính xác, chưa kịp thời.

2.1.6. Kết quả trong đào tạo liên thông

Đào tạo liên thông, liên kết đào tạo nhóm ngành đào tạo giáo viên trình độ đại học trong những năm qua đã giúp nâng chuẩn trình độ cho giáo viên tiểu học, trung học cơ sở góp phần nâng cao chất lượng giáo dục phổ thông và đáp ứng được nhu cầu học tập của giáo viên. Đặc biệt, đào tạo liên thông, liên kết đào tạo góp phần giải quyết những khó khăn cho một bộ phận lớn giáo viên đang công tác vùng cao, vùng sâu, vùng xa có nhu cầu được nâng cao trình độ nhưng không có điều kiện đến học tại cơ sở của các trường đại học. Tuy nhiên, vẫn còn tồn tại, bất cập giữa chất lượng đào tạo và hiệu quả sử dụng. Kết quả học và thi cao nhưng khả năng vận dụng vào thực tế còn nhiều hạn chế. Trong nội dung bài báo này, chúng tôi liệt kê một số hạn chế, bất cập trong đào tạo liên thông, liên kết đào tạo nhóm ngành đào tạo giáo viên trình độ đại học như: Chưa có một kế hoạch tổng thể về cách thức và phương pháp đào tạo lại giáo viên sau một thời gian công tác; Giáo trình, tài liệu chuyên ngành thiên về cung cấp nội dung mà chưa cung cấp phương pháp tự học, tự nghiên cứu cho học viên; Đội ngũ giảng viên dạy đại học liên thông ít có điều kiện sâu sát người học và chương trình sách giáo khoa mới; Học viên chưa được quyền lựa chọn giảng viên, thiếu các thông tin về mục tiêu từng học phần, tài liệu học tập; Đánh giá kết quả học tập chưa thể hiện chính xác những kết quả mang lại từ khả

năng tự học, tự nghiên cứu của học viên; Công tác tổ chức, quản lý, điều hành và rút kinh nghiệm đào tạo liên thông sau mỗi khóa tốt nghiệp, đầu mỗi kỳ tuyển sinh chưa được chú trọng đúng mức.

2.2. Giải pháp đảm bảo chất lượng đào tạo liên thông, liên kết đào tạo

Trong bối cảnh thực hiện Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học (gọi tắt là Luật số 34), Nghị định 99/2019/NĐ-CP về Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật số 34, trong đó quy định về quyền tự chủ và trách nhiệm giải trình của cơ sở giáo dục đại học, theo đó các cơ sở giáo dục đại học được tự chủ xác định, công bố công khai phương thức tuyển sinh; xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo; quyết định liên kết đào tạo trình độ đại học theo hình thức VLVH với cơ sở giáo dục trong nước đủ điều kiện theo quy định,... Chịu trách nhiệm trước người học, chủ sở hữu, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền và các bên liên quan về đảm bảo chất lượng đào tạo; bình đẳng các văn bằng đào tạo hình thức chính quy và không chính quy... như vậy yêu cầu đặt ra trong công tác đào tạo phải đảm bảo chất lượng của mọi thành tố trong quá trình đào tạo liên thông, liên kết đào tạo:

Về tuyển sinh: Kiểm soát chặt chẽ tuyển sinh đầu vào, bên cạnh đó nội dung đề thi tuyển sinh cần phù hợp với đối tượng, ngành đào tạo. Kiến nghị Bộ GD&ĐT, Chính phủ sửa đổi quy định xác định chỉ tiêu tuyển sinh đào tạo liên thông cho phù hợp với năng lực của cơ sở giáo dục đại học, nhu cầu của xã hội cũng như điều chỉnh tỷ lệ xác định chỉ tiêu liên thông trình độ đại học nhóm ngành đào tạo giáo viên hình thức VLVH như đã đề cập ở trên phù hợp hơn.

Về đội ngũ giảng viên: Ưu tiên sắp xếp, bố trí đội ngũ giảng viên có kinh nghiệm, có

năng lực đổi mới phương pháp đào tạo theo hướng phát huy tính năng động, sáng tạo, phát triển khả năng tự học, tự nghiên cứu của người học; có bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức và lương tâm nghề nghiệp,...

Về quản lý hoạt động đào tạo: Người được giao nhiệm vụ quản lý đào tạo phải là những người có tầm nhìn trong xây dựng chiến lược phát triển; có tinh thần trách nhiệm vì lợi ích của cộng đồng, vì sự phát triển của nhà trường; có tư tưởng và khuyến khích sự đổi mới trong giáo dục đại học; có năng lực lãnh đạo, quản lý tốt trong điều kiện hội nhập và phát triển. Ngoài ra, Hội đồng trường phát huy vai trò kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nghị quyết của Hội đồng trường, đặc biệt là các nghị quyết liên quan đến việc đảm bảo chất lượng đào tạo.

Về chương trình đào tạo: là một trong những yếu tố cốt lõi, quyết định chất lượng đào tạo. Luật giáo dục đại học đã phân cấp cho các trường phát triển các chương trình đào tạo theo mục tiêu xác định; bảo đảm sự liên thông giữa các chương trình và trình độ đào tạo; chương trình đào tạo theo hình thức giáo dục thường xuyên có nội dung như chương trình đào tạo theo hình thức giáo dục chính quy [3]. Vì vậy, để nâng cao chất lượng, trước hết cần điều chỉnh chương trình đào tạo. Mục tiêu đào tạo phải tính đến vị trí làm việc sau này của người học. Bên cạnh việc thực hiện đánh giá chương trình đào tạo chính quy, các cơ sở giáo dục đại học phải có kế hoạch, lộ trình tổ chức đánh giá chương trình đào tạo liên thông. Trên cơ sở đó, tiến hành rà soát, điều chỉnh chương trình cho phù hợp. Ngoài ra, Bộ GD&ĐT cũng cần sớm ban hành chuẩn chương trình đào tạo nhóm ngành đào tạo giáo viên để các cơ sở giáo dục đại học làm căn cứ xây dựng chương trình đào tạo và công nhận chuyên đổi kết quả học tập mà người học đã học

trước đó khi tham gia học ở trình độ khác, ngành khác được thuận lợi hơn.

Về kiểm tra, đánh giá: Xây dựng ngân hàng đề thi, sử dụng nhiều hình thức kiểm tra, đánh giá và tiến hành đánh giá thường xuyên trong quá trình học tập để đảm bảo tính chính xác trong đánh giá kết quả và năng lực của học viên. Nâng cao chất lượng đề thi tự luận dạng mở, nội dung đề thi phải đảm bảo đánh giá đúng, đầy đủ mục tiêu học phần, các chuẩn đầu ra của ngành đào tạo.

Về cơ sở vật chất: Cơ sở vật chất phục vụ học tập phải được đáp ứng ở mức tối thiểu, phòng học có đủ không gian, sạch sẽ, thoáng mát, có hệ thống internet, trang thiết bị nghe nhìn; cung cấp cho học viên đầy đủ các tài liệu học tập như giáo trình, bài giảng của môn học, đề cương môn học....

Về mối quan hệ giữa cơ sở giáo dục chủ trì đào tạo và cơ sở phối hợp trong liên kết đào tạo: Để thực hiện tốt các khâu trong liên kết đào tạo đòi hỏi các bên phải thống nhất phối hợp trong việc tổ chức, quản lý các lớp học trong suốt quá trình đào tạo. Mỗi đơn vị phải thực hiện đầy đủ nhiệm vụ của mình, đặc biệt phải quan tâm đến chất lượng dạy và học. Do đó, cần phải xây dựng được cơ chế phối hợp theo từng nội dung cụ thể trước khi tổ chức đào tạo. Sản phẩm của đào tạo liên thông trình độ đại học nhóm ngành đào tạo giáo viên là đào tạo ra một giáo viên đủ trình độ phục vụ cho sự nghiệp giáo dục của địa phương. Vì vậy, cần đề cao vai trò giám sát quá trình đào tạo liên thông của Sở GD&ĐT, là đầu mối giúp UBND tỉnh quản lý hoạt động liên kết. Cơ sở liên kết đào tạo cần báo cáo với Sở GD&ĐT về việc chuẩn bị tuyển sinh và các điều kiện đáp ứng thực hiện liên kết đào tạo. Sở GD&ĐT có quyền và trách nhiệm tổ chức kiểm tra, giám sát theo thẩm quyền việc thực hiện quy định về liên kết đào tạo đối

với các lớp liên kết đặt tại địa phương, báo cáo kịp thời về Bộ GD&ĐT, UBND tỉnh và cơ quan có thẩm quyền không cho phép thực hiện liên kết đào tạo những trường hợp vi phạm quy định.

Những yêu cầu trên đây cần được các cơ sở giáo dục thực hiện một cách nghiêm túc để nâng cao hơn nữa chất lượng trong đào tạo liên thông và liên kết đào tạo nhóm ngành đào tạo giáo viên. Đồng thời, kiến nghị Bộ GD&ĐT tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra phương thức đào tạo này để tạo môi trường giáo dục đại học thực học, thực nghiệp đáp ứng nhu cầu học tập của xã hội.

3. KẾT LUẬN

Đào tạo liên thông, liên kết đào tạo

trình độ đại học nhóm ngành đào tạo giáo viên là phương thức đào tạo đã góp phần đa dạng hóa các loại hình đào tạo, đáp ứng nhu cầu học tập của xã hội. Tuy nhiên, trong quá trình triển khai đã bộc lộ nhiều tồn tại, hạn chế. Do đó, cần phải thực hiện các giải pháp đảm bảo chất lượng và có cơ chế phối hợp quản lý chất lượng của các bên tham gia liên kết đào tạo. Bên cạnh đó, Bộ GD&ĐT cần sớm ban hành chuẩn chương trình đào tạo, các quy định mang tính nguyên tắc về tiêu chuẩn công nhận kết quả học tập để từ đó các cơ sở giáo dục xây dựng các quy định chuyển đổi kết quả học tập mà người học đã đạt trước đó khi tham gia học liên thông ở trình độ cao hơn hoặc chuyển sang ngành học khác.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Luật số 08/2012/QH13, Luật Giáo dục đại học
- [2] Luật số 34/2018/QH14, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học.
- [3] Luật số 43/2019/QH14, Luật giáo dục.
- [4] Nghị định 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ về việc Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học.
- [5] Quyết định số 18/2017/QĐ-TTg ngày 31/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành quy định về liên thông giữa trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng với trình độ đại học.
- [6] Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021 của Bộ Giáo dục và đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học.
- [7] Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06/6/2022 của Bộ Giáo dục và đào tạo về việc ban hành Quy chế tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non.

Liên hệ:

TS. Vũ Đức Quảng

Trường Đại học Quảng Nam

Địa chỉ: 102 Hùng Vương- Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam

Email: vuquangdhqn@gmail.com

Ngày nhận bài:

Ngày gửi phản biện:

Ngày duyệt đăng: